

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 12 năm 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn;

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Lan Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2021, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1991.

HKTT: Phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

Nơi ở: Số nhà 43 đường Lê Hồng Phong 2, tổ dân phố Nam Giang, thành phố B, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Chị Lương Thị H, sinh năm 2001.

HKTT: Phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

Nơi ở: Số nhà 43 đường Lê Hồng Phong 2, tổ dân phố Nam Giang, thành phố B, tỉnh B.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Công T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Sau quá trình tự do tìm hiểu, anh kết hôn với chị Lương Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố B vào ngày 13 tháng 5 năm 2019. Sau khi kết hôn, anh và chị H sống cùng gia đình tại số nhà 797 đường Lê Lợi, phường Dĩnh Kế, thành phố B, cho đến đầu năm 2020, vợ chồng chuyển về sinh sống tại số nhà 43 đường Lê Hồng Phong 2, tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, liên tục xảy ra cãi vã. Ngày 30/8/2020, chị H đi khỏi nhà, cắt đứt liên lạc với anh. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh xác định không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Lương Thị H.

Về con chung: Anh xác định anh và chị H không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Lương Thị H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên, chị H không cung cấp văn bản gì cho Tòa án, không đến làm việc theo các thông báo của Tòa án.

* Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 10/11/2021 tại tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, thành phố B, được cung cấp như sau: Anh Nguyễn Công T và chị Lương Thị H có đăng ký tạm trú tại số nhà 43, đường Lê Hồng Phong 2, tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang. Vợ chồng anh T, chị H khi sinh sống ở địa phương có xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm rõ. Chị H đã đi khỏi địa phương được một thời gian, khi đi không khai báo với chính quyền địa phương việc đi đâu, làm gì.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được việc giải quyết vụ án.

Ngày 10/12/2021, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa, chị H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

* Tại Công văn số 2700/QNĐNg(XNC) ngày 23/12/2021 của Phòng An ninh đối ngoại – Công an tỉnh B xác định chị Lương Thị H không có thông tin xuất nhập cảnh ra nước ngoài.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Anh T vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cùng quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

*Hội đồng xét xử công bố toàn bộ tài liệu chứng cứ và các lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công T được ly hôn chị Lương Thị H.
- + Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
- + Về án phí: Anh T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B và đăng ký tạm trú tại phường Xương Giang, thành phố B, tỉnh B. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn” đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Nguyên đơn là anh Nguyễn Công T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Lương Thị H được Tòa án triệu tập họp lệ đến các phiên họp, hoà giải và phiên tòa, tuy nhiên vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn ngày 13/5/2019 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh T xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi vã. Chị H đã bỏ nhà đi từ ngày 30/8/2020. Anh T xác định vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ gì. Tại biên bản xác minh tại tổ dân phố Nam Giang, phường Xương Giang, thành phố B xác định chị H đã đi khỏi địa phương được một thời gian. Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập chị H nhiều lần đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng chị H đều không đến làm việc, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp

nhận yêu cầu của anh T, cho anh được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T xác định không có, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công T được ly hôn chị Lương Thị H
2. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001107 ngày 13/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường Đinh Kế, TP. B, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA